

## CHƯƠNG 5: NHẬP PHƯƠNG TIỆN ĐẠO

Do phương tiện này Bồ-tát được nhập bốn vị. Nay sẽ nói rõ nghĩa này.

**Luận nói:** Tại sao được nhập?

**Giải thích:** Câu hỏi này muốn làm rõ tám xứ trì giữ lực của thiện căn để nhập phương tiện. Thế nào là lực của thiện căn? Thế nào là tám xứ? lực của thiện căn có bốn thứ. 1. Nhân lực. 2. Thiện tri thức lực. 3. Chánh tư duy lực. 4. Y chỉ lực. Như đã nói rõ ở trước.

**Luận nói:** Do lực của thiện căn được duy trì.

**Giải thích:** Chưa có thì khiến cho sinh, đã có thì khiến cho tăng trưởng, cho nên gọi là trì giữ thiện căn của Bồ-tát, hoặc nói là sáu pháp Ba-la-mật, hoặc nói là hai hạnh phước và tuệ, có khả năng ngăn cản phá đối trị và phi đối trị, gọi là lực trì giữ thiện căn, phải biết có tám xứ. Thế nào là tám xứ?

**Luận nói:** Do có ba tướng mài giữa tâm, do diệt trừ bốn xứ chướng, duyên nghĩa của pháp làm cảnh, vô gián tu cung kính, tu Xa-ma-tha Tỳ-bát-xá-na, không có phóng dật.

**Giải thích:** Đây tức là ba tâm, ba tướng mài giữa này có thể đối trị ba thứ tâm thoái khuất. Những gì là ba tâm ?

1. Tâm thoái khuất khinh thường tự thân. Để trừ mặc cảm đó cho nên làm rõ sự mài giữa tâm thứ nhất. Tại sao vậy? Vì có các Bồ-tát nghe Vô thượng Bồ-đề quảng đại thậm thâm khó tu khó đắc bèn nói.

Ta nay làm sao có thể đắc Vô thượng Bồ-đề khó đắc như vậy được? Do kẹt vào ý tưởng đó nên thân tâm thoái lui suy sụp. Để trừ tâm này thì cần phải tu mài giữa tâm thứ nhất.

**Luận nói:** Vì mười phương thế giới không thể tính lường.

**Giải thích:** Đây là làm rõ tu đắc Vô thượng Bồ-đề không phải cố định một lĩnh vực mà tùy lĩnh vực tu học, đều có thể đắc.

**Luận nói:** Không thể tính lường chúng sinh trong cõi người.

**Giải thích:** Đây là làm rõ các loại Vô thượng Bồ-đề đều được, cho nên thân này không thể cho mình là hèn mọn.

**Luận nói:** Từng Sát-na sát-na.

**Giải thích:** Đây là làm rõ đắc Vô thượng Bồ-đề không có định thời gian, không chờ thời mà tu đắc.

**Luận nói:** Chứng đắc Vô thượng Bồ-đề, gọi đó là Đệ nhất Luyện-ma tâm.

**Giải thích:** Đây là làm rõ Bồ-đề không thể cho đều ai nấy mà chắc chắn phải nhờ siêng năng tu hành mới có thể chứng đắc, do Luyện-ma tâm này, thì tâm thoái khuất thứ nhất trong phương tiện diệt mất không sinh.

2. Tâm thoái khuất khinh tiện có thể đắc phương tiện. Để trừ tâm này cho nên làm rõ tâm Luyện-ma thứ hai. Tại sao vậy? Vì có Bồ-tát khởi tâm rằng: Bồ thí này là tư lương của Bồ-đề. Nếu Bồ-tát từ bỏ ý muốn thì không thể được. Ý muốn này làm sao ta có được! Thế nên pháp bồ thí không phải điều ta có khả năng làm được. Do có chấp này, đối với năng đắc tâm phương tiện thì bị thoái chuyển, để trừ bỏ tâm này, cần phải tu tâm Luyện-ma thứ hai.

**Luận nói:** Do chánh ý này.

**Giải thích:** Đây là làm rõ phương tiện ví dụ thể tướng. Ba đời các Bồ-tát đắc chánh ý như vậy là thể của phương tiện chân thật.

**Luận nói:** Các pháp bồ thí... Ba-la-mật chắc chắn được sinh trưởng, là tin ưa của Ta.

**Giải thích:** Đây là làm rõ phương tiện ví dụ công năng, công năng có ba thứ: 1. Bình đẳng công năng. 2. Sinh công năng. 3. Trưởng công năng. Do chánh ý này, hoặc là sinh trưởng các Ba-la-mật, không có Ba-la-mật nào mà không đầy đủ cho nên gọi là bình đẳng công năng, chưa có thì khiến cho có gọi là sinh công năng, đã có thì khiến cho viên mãn gọi là trưởng công năng, như thể phương tiện và công năng của các Bồ-tát ba đời quyết định không hai. Ta cũng phải làm giống như vậy. Tại sao vậy? Vì tin ưa của ta tức là chánh ý đó, làm chỗ thí dụ cho thể của phương tiện, vì thể này đã định. Tại sao vậy? Vì không có tán động.

**Luận nói:** Đã được kiên trụ.

**Giải thích:** Đây là giải thích nghĩa của không tán động, không bị tham keo kiệt phá hỏng... không thể hoại cho nên gọi là kiên. Tà hóa của ác tri thức tiểu thừa, không thể làm thoái lui cho nên gọi là trụ.

**Luận nói:** Do chánh ý này, ta tu tập thí... Ba-la-mật, tiến tới được viên mãn thì không khó, đó gọi là tâm Luyện ma thứ hai.

**Giải thích:** Đây là làm rõ ví dụ ba thứ công năng, do chánh ý này mà ta tu tập Thí Ba-la-mật, biểu thị rõ công năng bình đẳng, để chứng được công năng sinh trưởng, viên mãn công năng sinh trưởng. Ba công năng này quyết định có thể đắc, cho nên nói là không khó. Lại nữa, nói “do chánh ý này”, câu này có nghĩa gì? Là tin và ưa. Tin có ba xứ: 1. Tin thật có. 2. Tin có thể được. 3. Tin có công đức vô cùng tận.

Tin thật có, là tin có thật tự tánh trụ Phật tánh. Tin có thể được, là tin dẫn xuất Phật tánh. Đã phát khởi ba đức tin rồi, trong năng đắc phương tiện thí... Ba-la-mật khởi cầu muốn tu hành cho nên gọi là nhạo. Tin và ưa này làm thể của chánh ý. Do đắc tin ưa này, tu hạnh thí... Ba-la-mật thì không khó, có thể khiến cho cứu cánh viên mãn. Lại nữa Bồ-tát có chánh ý, thì ta có thể sinh tâm lục độ, ra khỏi các chướng của tham lận, có thể ngăn chặn các chướng của Ba-la-mật, diệt tận không sót. Do đó không do đại công dụng mà lục độ dễ viên mãn, do lục độ

viên mãn thì Vô thượng Bồ-đề tự nhiên thành tựu. Ta đã đặc kiên trụ chánh ý này, do đó tu hành lục độ không lấy làm khó. Do tâm Luyện-ma thứ hai trong phương tiện thì đệ nhị thoái khuất tâm không sinh.

3. Nghi nên bị thoái khuất tâm. Để trừ tâm này cho nên làm rõ đệ tam Luyện-ma tâm. Tại sao vậy? Vì có các Bồ-tát tư duy công đức thậm thâm quảng đại của chư Phật, Bồ-tát nghĩ rằng Vô thượng Bồ-đề khó đắc. Tâm kim cương, không có tâm sinh tử, bị một sát-na tâm làm chướng. Trừ tâm này cũng có thể được, nghĩa này khó tư duy, do có chấp này mà tâm đặc Vô thượng Bồ-đề bị thoái khuất, để trừ tâm thoái khuất này, cần phải tu tâm Luyện-ma thứ ba.

**Luận nói:** Nếu người tương ứng với nhiều thiện pháp.

**Giải thích:** Người tức là phàm phu và nhị thừa. Phàm phu có ba thứ thiện pháp thí, giới, tu, thiện pháp này hoặc là hằng tu riêng, hoặc là viên mãn tu. Nếu tu riêng và tu viên mãn mãi mãi, thì thí, giới và tu trở nên nhiều thiện, vì phẩm loại được nhiều. Nhị thừa có ba mươi bảy phẩm thiện pháp, do tu không gián đoạn và cung kính thì thành nhiều thiện, cũng vì nhiều phẩm loại.

**Luận nói:** Sau khi xả mạng, trong mọi nơi thọ sinh, giàu có vui thích tự nhiên được thành.

**Giải thích:** Nếu phàm phu trước hết tu thí đầy đủ, thì sau khi xả mạng thì liền sinh trong loài người, thọ quả có thể giàu sang an vui, sự này không sai! Nếu trước hết trì giới đầy đủ, thì sau khi xả mạng liền sinh cõi trời thọ nhận sự yêu thích, giàu sang an vui. Sự này không sai! Nếu tu định này đủ thì sau khi chết liền sanh cõi Sắc, vô sắc nhận được quả yêu thích, giàu sang, sự này không sai. Đây là thuyết minh sự đắc quả sau khi chết bị đọa. Nếu Nhị Thừa tu ba mươi phẩm đầy đủ, thì sau khi xả thọ mạng phàm phu liền đắc thọ mạng bậc Thánh nhân, thọ quả lục thông và khả ái giàu vui. Sự này không sai! Đó là thuyết minh sự đắc quả đời vị trí.

**Luận nói:** Người đó được có ngại thiện, nghĩa này cũng phải thành. Làm sao ta đắc viên mãn thiện và vô ngại thiện, tất cả sự yêu thích, giàu sang an vui như ý rồi sẽ không thành? Đó gọi là tâm Luyện-ma thứ ba.

**Giải thích:** Trong thập địa, sinh trưởng tốt đẹp phước đức và trí Tuệ hai phẩm thiện pháp, cho nên gọi là viên mãn tâm. Chướng thô nặng khó phá, do định Kim cương phá nó. Sau Kim cương định thì có thể lìa tất cả chướng, khi chuyển y thành thì gọi là vô ngại thiện. Phật quả gọi là giàu vui tự tại, cho nên gọi là vui, có đủ đức cho nên gọi là giàu. Phú lạc này tất cả pháp khả ái như ý. Nếu căn cứ theo tiểu thừa, lấy trí đoạn làm như ý, thì ân đức làm khả ái, nếu căn cứ theo Đại thừa thì pháp thân làm phú lạc, Ứng thân làm như ý, Hóa thân làm khả ái.

Ba thứ này nhiếp hết Vô thượng bồ-đề cho nên nói là tất cả. Trước có nói “xả mạng”, là ví dụ là trí chướng. Trí chướng đã diệt, tại sao khả ái phú lạc như ý của ta rồi sẽ không thành ? Do tâm luyện-ma thứ ba trong phương tiện thì tâm thoái khuất thứ ba diệt mất không sinh.

**Luận nói:** Trong đây nói kệ.

**Giải thích:** Trong kệ lại làm rõ thêm ba nghĩa.

**Luận nói:** Chúng sinh trong cõi người,

*Niệm niệm chứng Bồ-đề,*

*Xứ sở quá vô lượng,*

*Do không tâm hạ liệt.*

*Người thiện tâm tin ưa,*

*Hay sinh thí các độ,*

*Thắng nhân được ý này,*

*Nên giới tu bố thí.*

*Người thiện nếu khi chết,*

*Liên được giàu vui sướng,*

*Vị diệt viên tịnh thiện,*

*Nghĩa này làm sao không?*

**Luận nói:** Chúng sinh trong cõi người.

**Giải thích:** Đây là làm rõ đồng loại có thể đắc quả Vô đẳng, không nên khinh tiện tự thân.

**Luận nói:** Niệm niệm chứng Bồ-đề.

**Giải thích:** Đây là làm rõ thời vô định, tu nhân và đắc quả đều không có quyết định thời gian, do đó hằng phải cần siêng tu tập, không lúc nào mà không thể tu. Tu nhân đã như thế, tu quả cũng vậy, do đó không nên cho rằng thời có chướng mà khinh tiện tự thân.

**Luận nói:** Xứ sở quá số lượng.

**Giải thích:** Đây là làm rõ xứ sở vô định, tùy xứ mà lập nhân đều có thể được thành. Đắc quả cũng vậy.

**Luận nói:** Cho nên không có tâm hèn mọn.

**Giải thích:** Đây là làm rõ ba nghĩa trước, cho nên tâm thoái khuất không sinh, cho rằng Ta không có công năng mà phải đắc Vô thượng Bồ-đề, cho nên tâm không hạ liệt.

**Luận nói:** Người Thiện tâm tin ưa, có thể sinh thí... các độ.

**Giải thích:** Không phải ác tâm và vô ký tâm có thể tin ưa. Tại sao vậy? Có những người lấy tâm tán mạn vô ký để mà hành các hạnh thí... Lại có các ngoại đạo lấy ác tâm hành các hạnh thí... để lừa ác vô ký này cho nên nói là thiện tâm, người cầu đắc Vô thượng Bồ-đề gọi là nhân ở thiện tâm. Lại nữa, thí... là thiện. Nếu không có thiện tâm làm nhân thì không thành hạnh thí... cho nên cần phải có Thắng nhân để sinh thắng quả. Thắng nhân tức là tin ưa, do tin ưa mà sinh thí... các độ. Hai câu

này chỉ rõ ba nghĩa: 1. Tăng thượng duyên. 2. Đồng loại nhân. 3. Đăng lưu quả.

**Luận nói:** Người tối thắng được ý này, thì có thể tu thí...

**Giải thích:** Các Bồ-tát gọi là người tối thắng, ý này tức là chánh ý của Bồ-tát, là tin và ưa. Do có ý này thì đối với tu thí có khả năng, cho nên ta tu thí... không lấy làm khó.

**Luận nói:** Hoặc khi người thiện chết.

**Giải thích:** Thiện nhân có hai thứ, tức là phàm phu và nhị thừa. Phàm phu tu thí và tu giới. Nhị thừa thì tu đạo phẩm. Chết cũng có hai nghĩa, tức là chết bị đọa và chuyển vị.

**Luận nói:** Liền đắc được vui tràn đầy.

**Giải thích:** Cũng có hai thứ, là phàm phu niềm vui tràn đầy của nhân thiên và cõi phạn thiên, và nhị thừa thì đắc niềm vui tràn đầy của sáu thần thông. Nếu lập được nhân này thì nhất định sẽ đắc quả.

**Luận nói:** Diệt vị viên tịnh thiện. Sao không có nghĩa này?

**Giải thích:** Ta nay tu phước Tuệ và vô lưu đạo phẩm của mười địa. Viên là căn cứ theo các địa. Tịnh là căn cứ theo đạo phẩm. Sau khi kim cương tâm diệt thì gọi là diệt vị. Đây tức là quả Vô thượng Bồ-đề, gọi là sự an vui thù thắng tràn đầy, Ta quyết định phải đắc quả này, sao nói là không được?

**Luận nói:** Do diệt trừ bốn xứ Chướng.

**Giải thích:** Đây là bốn xứ trong tám xứ. Bốn thứ chướng này, Bồ-tát Đạo đều phải diệt trừ. Nay sẽ nói nghĩa này.

**Luận nói:** Do xa lìa tư duy của Thanh-văn và Độc giác, nên tà tư duy diệt.

**Giải thích:** Tư duy của nhị thừa, là thường quán tội lỗi của sinh tử khổ, vô thường... và luôn quán công đức tịch tĩnh của Niết-bàn, quán này chỉ có yêu tự thân, bỏ sự lợi ích của chúng sinh. Nếu lìa quán này thì gọi là diệt tà tư duy.

**Luận nói:** Trong Đại thừa sinh tín tâm và quyết liễu tâm thì diệt tất cả tà ý và nghi.

**Giải thích:** Trong pháp thậm Đại thừa thâm quảng đại, thì đối với chân đế sinh tín tâm, đối với tục đế thì sinh quyết liễu tâm, đối với chân như thì xả ý bài bác, đối với mười hai bộ kinh Đại thừa mà Như Lai thuyết thì xả bỏ ý như văn tự mà phán nghĩa, do đó diệt tất cả tà ý và nghi. Lại nữa, trong Đại thừa, nương vào pháp tướng đã an lập mà Như Lai nói ba tánh, là tất cả pháp vô tánh, tất cả pháp bất sinh bất diệt, xưa nay tịch tĩnh, tự tánh Niết-bàn. Những pháp như vậy không có phẩm loại, đó là nương vào tánh phân biệt mà nói. Hoặc nói huyễn sự, nai khát nước, mộng tướng, ảnh, hình gương, tiếng vang, nước trắng, biến hóa... là nương vào tánh y tha mà nói. Nếu nói chân như thật tế vô

tướng, chân thật pháp giới không, là nương vào tánh chân thật mà nói. Trong thuyết của ba tánh này, bất tín và nghi không được sinh. Đây là nói diệt tà ý và nghi.

**Luận nói:** Trong các pháp đã được nghe và tư duy, thì xa lìa tà chấp của ngã và ngã sở. Do đó diệt trừ ngã chấp.

**Giải thích:** Cảnh giới nghe, tư duy được gọi là nghe, tư duy các pháp. Nghĩa mà Văn tư làm sáng tỏ là cảnh giới của Văn tuệ. Nương vào nghĩa này, như lý như lượng mà suy tầm đạo lý, thì đạo lý này là

cảnh giới của Tư tuệ. Trong đó nếu chấp thể của pháp là có thì gọi là pháp chấp và ngã chấp. Ví như chấp có Niết-bàn thì tập đế không sinh, tịch tĩnh làm thể. Nếu chấp thể của pháp có dụng thì gọi là pháp sở chấp và ngã sở chấp. Ví như chấp dụng của Niết-bàn thì lìa ba khổ. Các thứ chấp như vậy gọi là tà chấp. Nếu chưa diệt tà chấp này, thì không thể được nhập bốn vị của duy thức. Do diệt trừ pháp chấp mà có thể được nhập bốn vị của duy thức. Lại nữa, xa lìa pháp đã nghe, pháp đã tư duy, ngã và pháp đã chấp thì trong đây chỉ chấp thể và dụng của pháp là có, gọi là ngã và ngã sở mà không chấp nhân ngã, ngã sở. Tại sao vậy? Vì nhân ngã chấp này trong mười giải ở trước đã diệt trừ, chỉ có pháp ngã chấp chưa trừ. Đây là chỉ rõ nhập phương tiện của duy thức.

**Luận nói:** An lập hiện tiền trụ, tất cả tướng tư duy đều không phân biệt, cho nên có thể diệt trừ phân biệt.

**Giải thích:** Trong vị tán loạn, sáu trần như sắc v.v... tự mình chứng biết là hiện tiền trụ. Trong vị tịch tĩnh, thì cốt toả tụ từ định tâm mà khởi làm an lập. Tất cả tướng như vậy là cảnh giới của hai tâm tán loạn và tịch tĩnh. Tư duy là giác quán tư duy, quán khổ, vô thường, vô ngã... tâm này duyên nội cảnh. Do thấy cảnh không có tướng, thấy thức không sinh, nên có thể diệt phân biệt. Do Vô phân biệt làm phương tiện mà được nhập bốn vị. Nếu khởi phân biệt thì không được nhập. Lại nữa, hiện tiền trụ, tất cả tướng và tư duy được lập, đều không phân biệt là người đang phân biệt, vì quán phương tiện đạo, khởi ý vô phân biệt, nếu phương tiện đã thuần thực thì không cần công dụng, mà tự nhiên có thể không có phân biệt.

**Luận nói:** Trong đây nói kệ.

**Giải thích:** Kệ này chỉ rõ chỗ diệt tối hậu.

**Luận nói:**

*Hiện trụ và an lập,  
Tất cả tướng tư duy,  
Người trí không phân biệt,  
Nên đắc Vô thượng giác.*

**Luận nói:** Hiện trụ và an lập, tất cả tướng tư duy.

**Giải thích:** Tất cả tướng có hai thứ, là hiện trụ và an lập. Sáu trần



sở duyên của tán tâm gọi là hiện trụ, sở duyên cốt (xương) của định tâm là an lập. Lại nữa, tất cả tướng có hai thứ, một là như ngoại hiển hiện, hai là như nội hiển hiện. Như ngoại là tướng, như nội là tư duy.

**Luận nói:** Người trí không phân biệt.

**Giải thích:** Bồ-tát gọi là người trí, đã nghe và tư duy đạo lý của duy thức, do nghe và tư duy này cho nên gọi là người trí, khởi ý cho đến vô công dụng không phân biệt.

**Luận nói:** Cho nên đặc Vô thượng giác.

**Giải thích:** Do không phân biệt mà thành tựu vô phân biệt trí, được nhập sơ địa, tức là từ sơ địa trở lên là Vô thượng giác.

**Luận nói:** Duyên pháp và nghĩa làm cảnh.

**Giải thích:** Đây tức là nhân của xứ thứ năm trong tám xứ, và phương tiện có thể khiến cho nhập duy thức quán. Nay sẽ nói nghĩa này.

**Luận nói:** Nhân gì và phương tiện gì mà được nhập ?

**Giải thích:** Câu hỏi này có hai ý, trước hỏi nhân, sau hỏi phương tiện.

**Luận nói:** Do chủng loại huân tập từ nghe, thuộc về chánh tư duy, hiển hiện pháp nghĩa tương tự ý ngôn phân biệt có kiến.

**Giải thích:** Đây là đáp câu hỏi thứ nhất. Văn tuệ huân tập được sinh do nghe mười hai bộ loại kinh của Đại thừa. Huân tập này có chủng loại, chủng loại tức là Văn tuệ, lấy đây làm nhân, sinh khởi nương vào Văn tuệ này luôn phát khởi chánh tư duy, tăng trưởng khiến cho kiên trụ cho nên gọi là nhiếp, trì giữ khiến cho kiên trụ chánh tư duy là nhân tăng trưởng, có ước niệm nhiếp trì hoặc tương tự chánh giáo hiển hiện, hoặc sở thuyên nghĩa của tự chánh giáo hiển hiện. Ý thức giác quán tư duy gọi là ý ngôn phân biệt. Ý ngôn phân biệt này có hai thứ là tướng và kiến, hiện tại chỉ lấy kiến mà không lấy tướng. Tại sao vậy? Vì quán duyên thức này xua đuổi trần.

**Luận nói:** Do bốn thứ tâm tư là danh, nghĩa, tự tánh và sai biệt giả lập tâm, tư.

**Giải thích:** Đây tức là xứ thứ sáu trong tám xứ. Nếu Bồ-tát đối với danh chỉ thấy danh, đối với nghĩa chỉ thấy nghĩa, đối với danh, nghĩa tự tánh, ngôn thuyết, thì chỉ thấy danh, nghĩa, tự tánh, ngôn thuyết, đối với danh, nghĩa, sai biệt ngôn thuyết thì chỉ thấy danh, nghĩa sai biệt, ngôn thuyết, đối với bốn xứ này kiến, độ, nghi và quyết liễu gọi là tâm tư. Bồ-tát thấy danh, nghĩa tương ứng mỗi mỗi đều khác nhau, thấy tướng phải nương vào nghĩa tương ứng, Bồ-tát thấy tự tánh, ngôn thuyết và sai biệt. Ngôn thuyết đều thuộc nghĩa cho nên danh cùng với nghĩa tương ứng. Làm sao biết được danh và nghĩa làm khác lẫn nhau? Trước hết đối với danh, trí không sinh. Nếu danh đồng thể với nghĩa, thì khi chưa nghe danh trí danh trong nghĩa phải thành. Lại vì danh nhiều, nếu danh đồng

thể với nghĩa thì danh nhiều nghĩa cũng nhiều. Lại vì danh bất định, nếu danh đồng thể với nghĩa thì danh đã bất định, nghĩa cũng phải như thế. Nếu không thành một vật thì pháp trái nhau lẽ ra đồng thể. Lại là danh này tương đương trong có nghĩa mà khởi hay trong vô nghĩa mà khởi. Nếu đã có và chưa có danh khởi trong nghĩa thì nghĩa một thể không thành. Lại nữa, nếu ông nói trước đã có nghĩa, sau đó lấy danh để làm rõ nghĩa, ví như đèn chiếu các sắc. Nếu như thế thì người này trước đã chấp nghĩa rồi sau đó mới lập danh, chứ không phải chưa chấp nghĩa mà lập danh. Chấp này tức là phải có thể liễu nghĩa. Tại sao phải lập danh rồi mới làm rõ nghĩa? Chấp này nếu không thể liễu nghĩa thì danh lẽ nào liễu nghĩa được! Lại nữa, danh này do có người khác không đạt nghĩa này, vì chưa hiểu rõ danh này. Nếu danh quyết định là năng liễu nghĩa thì không đúng như vậy. Vì nếu danh quyết định là năng liễu nghĩa, thì do danh này mà không nên có người, có nhận biết vật, có chẳng biết vật. Lại nữa, nếu có chấp nghĩa khác và danh khác, do danh này đối với nghĩa không có tà chấp, ví như người phàm phu biết năm ấm chỉ là hành tị, do tập quen, đối với tự tha tương tục khởi ngã chấp, trong nghĩa không phải không có tà chấp. Nếu nghĩa và danh là một thì hai sự này không nên thành. Do những nghĩa như vậy cho nên biết danh đối với nghĩa làm khách, nghĩa đối với danh làm khách cũng như vậy.

-----